

Số: 995./YDHP-QĐ

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc cấp học bổng kỳ I năm học 2016 - 2017)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.
- Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-YDHP ngày 01/6/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập.
- Căn cứ kết quả học tập và điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2015-2016 của sinh viên các khóa trong toàn trường.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp học bổng kỳ I kể từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2017 (05 tháng) năm học 2016-2017 cho 289 sinh viên hệ chính quy các khóa với mức học bổng như sau:

- * 800.000đ/tháng x 161 SV x 5 tháng = 644.000.000đ
- * 850.000đ/tháng x 10 SV x 5 tháng = 42.500.000đ
- * 950.000đ/tháng x 118 SV x 5 tháng = 560.500.000đ

Tổng cộng: 1.247.000.000đ

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn)

(có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các Ông (Bà): Trưởng phòng Đào tạo ĐH, Tài chính kế toán; các lớp sinh viên và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

Ngành : Y học cổ truyền

Tổng số sinh viên : 43

Số SV diện xét 43

Số SV đủ điều kiện: 10

Chỉ tiêu HB 0

Số xuất HB đã cấp: 4

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB	Rèn	Loại	Mức học	Ghi chú
1	1551010379	ĐÀO THỊ THẢO	YDK.37C	3.43	Tốt	Giỏi3	950000	
2	1551010339	TIÊU THỊ NHƯ' QUỲNH	YDK.37C	3.42	Tốt	Giỏi3	950000	
3	1552010039	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG	YHCT.K1	3.36	Tốt	Giỏi3	950000	
4	1551010272	VŨ ĐÌNH NAM	YDK.37G	3.22	Xuất sả	Giỏi3	950000	
5	1551010008	VŨ THẾ ANH	YDK.37E	3.44	Khá	Khá1	850000	
6	1551010159	PHẠM THỊ MỸ HOA	YDK.37G	3.2	Khá	Khá1	850000	
7	1551010211	NGUYỄN THỊ LAM	YDK.37H	3.18	Tốt	Khá2	800000	
8	1552010043	NGÔ QUANG TRUNG	YHCT.K1	3.18	Tốt	Khá2	800000	
9	1551010998	ĐÀO DUY ĐỨC	YDK.37D	3.16	Khá	Khá2	800000	
10	1552010016	DƯƠNG ĐỨC LÂM	YHCT.K1	3.15	Tốt	Khá2	800000	
11	1551010371	ĐÀO THỊ THẢO	YDK.37D	3.15	Tốt	Khá2	800000	
12	1551010013	NGUYỄN HỒNG ANH	YDK.37H	3.14	Tốt	Khá2	800000	
13	1551010058	PHẠM ĐỨC DU	YDK.37H	3.14	Tốt	Khá2	800000	
14	1551010266	BUI THỊ MỸ	YDK.37H	3.11	Tốt	Khá2	800000	
15	1552010045	TRẦN QUỐC TUẤN	YHCT.K1	3.09	Khá	Khá2	800000	
16	1551010078	VŨ DUY DƯƠNG	YDK.37E	3.07	Khá	Khá2	800000	
17	1551010040	NGUYỄN THỊ CHINH	YDK.37E	3.04	Khá	Khá2	800000	
18	1551010169	ĐÀO THỊ HUỆ	YDK.37C	3.04	Khá	Khá2	800000	
19	1551010362	TRẦN THỊ THANH	YDK.37G	3.04	Tốt	Khá2	800000	
20	1551010387	BUI THỊ THU THẢO	YDK.37F	3	Khá	Khá2	800000	
21	1551010199	ĐÀO THỊ NGỌC HUỲNH	YDK.37D	2.99	Tốt	Khá2	800000	
22	1551010386	LƯƠNG THỊ THU THẢO	YDK.37F	2.99	Khá	Khá2	800000	
23	1551010310	NGUYỄN THỊ OANH	YDK.37D	2.96	Tốt	Khá2	800000	
24	1551010190	NGUYỄN THỊ MAI HƯỜNG	YDK.37H	2.95	Tốt	Khá2	800000	
25	1551010337	NGUYỄN THỊ QUỲNH	YDK.37F	2.95	Khá	Khá2	800000	
26	1551010343	ĐÌNH TRƯỜNG SINH	YDK.37H	2.95	Khá	Khá2	800000	
27	1551010220	NGUYỄN THỊ THUY LINH	YDK.37G	2.93	Khá	Khá2	800000	
28	1551010438	NGUYỄN THỊ TRANG	YDK.37D	2.92	Khá	Khá2	800000	
29	1551010095	Hà Trung Đạo	YDK.37C	2.88	Tốt	Khá2	800000	
30	1551010278	LÊ THỊ QUỲNH NGÀ	YDK.37D	2.88	Tốt	Khá2	800000	
31	1551010315	PHÙNG TUẤN PHONG	YDK.37H	2.88	Khá	Khá2	800000	
32	1551010254	DƯƠNG THỊ MẠN	YDK.37D	2.84	Khá	Khá2	800000	
33	1551010316	ĐÌNH VĂN PHONG	YDK.37D	2.84	Tốt	Khá2	800000	
34	1551010049	PHAN THỊ HOA CÚC	YDK.37G	2.81	Khá	Khá2	800000	
35	1551010065	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	YDK.37F	2.81	Khá	Khá2	800000	
36	1551010295	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	YDK.37F	2.81	Khá	Khá2	800000	
37	1551010298	NGUYỄN PHƯƠNG NHAN	YDK.37D	2.81	Tốt	Khá2	800000	
38	1551010197	TRẦN THỊ HUỲNH	YDK.37E	2.8	Khá	Khá2	800000	
39	1551010145	PHAN THỊ HIỀN	YDK.37E	2.79	Khá	Khá2	800000	
40	1551010281	NGUYỄN QUỲNH NGÀ	YDK.37G	2.79	Khá	Khá2	800000	
41	1551010479	LÊ THỊ YẾN	YDK.37G	2.79	Khá	Khá2	800000	
42	1551010250	NGUYỄN THỊ LY	YDK.37B	2.77	Tốt	Khá2	800000	
43	1551010385	VŨ THỊ NHƯ' THẢO	YDK.37F	2.77	Khá	Khá2	800000	
44	1551010160	TRẦN THỊ HÒA	YDK.37E	2.76	Tốt	Khá2	800000	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

Ngành : Răng hàm mặt

Tổng số sinh viên : 47

Số SV diện xét 47

Số SV đủ điều kiện: 12

Chỉ tiêu HB 0

Số xuất HB đã cấp: 4

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB	Rèn	Loại	Mức học	Ghi chú
1	1556010039	ĐÀO THU THÙY	RHM.K7	3.47	Tốt	Giỏi3	950000	
2	1556010027	ĐÀO THỊ MỸ LINH	RHM.K7	3.23	Tốt	Giỏi3	950000	
3	1556010040	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	RHM.K7	3.21	Tốt	Giỏi3	950000	
4	1556010012	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	RHM.K7	3.16	Tốt	Khá2	800000	

Ngành : Y học dự phòng

Tổng số sinh viên : 47

Số SV diện xét 47

Số SV đủ điều kiện: 4

Chỉ tiêu HB 0

Số xuất HB đã cấp: 4

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB	Rèn	Loại	Mức học	Ghi chú
1	1551030011	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	YDP.K9	3.02	Tốt	Khá2	800000	
2	1551030031	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	YDP.K9	2.85	Khá	Khá2	800000	
3	1551030028	PHẠM THỊ THANH NHÃ	YDP.K9	2.79	Khá	Khá2	800000	
4	1551030014	NÔNG VĂN KIẾN	YDP.K9	2.64	Khá	Khá2	800000	

Người lập báo cáo

Trưởng phòng QLSV

Hải Phòng, ngày 24 tháng 10 năm 2016
Hiệu trưởng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
KHÓA K36 + RĂNG HÀM MẶT K6 + YHDP K8
 Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Số ĐVHT	Rèn luyện	Học bổng	Xuất	Mức học bổng
1	1451010166	Trần Thị Huệ	YDK.36B	8.21	28	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
2	1451010108	Dương Thị Hà	YDK.36F	8.1	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
3	1451010119	Nguyễn Thị Thu Hằng	YDK.36D	8.1	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
4	1451010173	Đỗ Thị Huệ	YDK.36C	8.1	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
5	1451010412	Phạm Thị Thơ	YDK.36E	8.1	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
6	1451010200	Tô Thanh Hương	YDK.36A	8.07	28	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
7	1451010137	Trần Thị Thu Hiền	YDK.36H	8	28	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
8	1451010129	Trần Thu Hiền	YDK.36E	8	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
9	1451010207	Vũ Thị Ngọc Huyền	YDK.36D	8	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
10	1451010403	Nguyễn Thị Thanh Thảo	YDK.36B	8	28	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
11	1451010495	Nguyễn Thị Tuyền	YDK.36A	8	28	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
12	1451010504	Đinh Thị Tường Vi	YDK.36A	8	28	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
13	1451010133	Đào Thị Thu Hiền	YDK.36A	7.93	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
14	1451010157	Nguyễn Thị Kim Hoàn	YDK.36H	7.93	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
15	1451010335	Nguyễn Văn Phương	YDK.36H	7.93	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
16	1451010349	Nguyễn Thị Quyên	YDK.36B	7.93	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
17	1451010456	Trần Thị Trang	YDK.36H	7.93	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
18	1451010034	Phan Tùng Bách	YDK.36C	7.9	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
19	1451010116	Phan Thanh Hằng	YDK.36E	7.9	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
20	1451010338	Nguyễn Thị Phương	YDK.36F	7.9	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
21	1451010452	Nguyễn Thị Thu Trang	YDK.36C	7.9	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
22	1451010239	Nguyễn Thị Lan Linh	YDK.36A	7.86	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
23	1451010358	Nguyễn Thị Soan	YDK.36H	7.86	28	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
24	1451010052	Đào Thị Hồng Chinh	YDK.36D	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
25	1451010075	Vũ Thuý Dương	YDK.36D	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
26	1451010143	Vũ Trung Hiếu	YDK.36E	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
27	1451010189	Nguyễn Thị Hương	YDK.36D	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
28	1451010231	Nguyễn Thị Thảo Linh	YDK.36C	7.8	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
29	1451010344	Nguyễn Mạnh Quân	YDK.36C	7.8	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
30	1451010443	Nguyễn Thu Trang	YDK.36C	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
31	1451010518	Nguyễn Thị Hải Yến	YDK.36D	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
32	1451010500	Vân Thu Uyên	YDK.36G	7.79	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
33	1451010060	Phan Thị Dinh	YDK.36A	7.71	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
34	1451010202	Lê Thị Thu Hường	YDK.36H	7.71	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
35	1451010197	Nguyễn Thị Hồng Hương	YDK.36D	7.7	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
36	1451010252	Đỗ Thị Linh	YDK.36F	7.7	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
37	1451010255	Nguyễn Thị Loan	YDK.36D	7.7	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
38	1451010292	Lương Thị Thúy Nga	YDK.36E	7.7	20	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000
39	1451010303	Phạm Thị Ngọc	YDK.36F	7.7	20	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
40	1451010416	Nguyễn Thị Hoài Thu	YDK.36B	7.64	28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
41	1456010062	Nguyễn Thị Xuân	RHM.K6	8.3	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
42	1456010013	Nguyễn Ngọc Đức	RHM.K6	8	20	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
43	1456010023	Nguyễn Thị Hoàn	RHM.K6	7.9	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
44	1456010029	Nguyễn Thị Hà Lan	RHM.K6	7.8	20	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
45	1451030047	Đỗ Thị Thùy Linh	YDP.K8	7.66	19	Khá	Khá2	800,000	4,000,000
46	1451030065	Nguyễn Quỳnh Phương	YDP.K8	7.63	19	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
47	1451030064	Nguyễn Thị Thu Phương	YDP.K8	7.5	19	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
48	1451030003	Trần Thị Vân Anh	YDP.K8	7.03	19	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000

Hải Phòng, ngày 21 tháng 10 năm 2016

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

NGÀNH BÁC SỸ ĐA KHOA - K35

Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

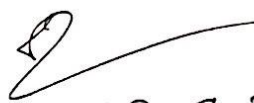
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Số ĐVHT	Rèn luyện	Mức học bổng	HB 5 tháng
1	1351010096	Nguyễn Thị Hà	YDK.35F	8.24	27	Tốt	950,000	4,750,000
2	1351010180	Vũ Thị Huyền	YDK.35H	8.09	27	Tốt	950,000	4,750,000
3	1351010270	Phạm Thị Nguyên	YDK.35D	8	27	Tốt	950,000	4,750,000
4	1351010376	Vũ Thị Thuý	YDK.35A	8	27	Tốt	950,000	4,750,000
5	1351010214	Ngô Xuân Lộc	YDK.35A	7.98	27	Khá	800,000	4,000,000
6	1351010333	Nguyễn Thọ Thành	YDK.35F	7.91	27	Tốt	800,000	4,000,000
7	1351010109	Vũ Đình Hân	YDK.35C	7.89	27	Tốt	800,000	4,000,000
8	1351010243	Nguyễn Quốc Mạnh	YDK.35H	7.87	27	Tốt	800,000	4,000,000
9	1351010294	Nguyễn Thị Thanh Phượng	YDK.35H	7.87	27	Tốt	800,000	4,000,000
10	1351010120	Hoàng Thị Mỹ Hào	YDK.35B	7.85	27	Tốt	800,000	4,000,000
11	1351010008	Nguyễn Thị Phương Anh	YDK.35F	7.83	27	Tốt	800,000	4,000,000
12	1351010456	Vũ Thị Cúc	YDK.35I	7.83	27	Tốt	800,000	4,000,000
13	1351010245	Vũ Thị Mến	YDK.35A	7.83	27	Tốt	800,000	4,000,000
14	1351010155	Lê Thị Huệ	YDK.35E	7.76	27	Tốt	800,000	4,000,000
15	1351010178	Hoàng Thị Huyền	YDK.35F	7.72	27	Khá	800,000	4,000,000
16	1351010440	Hoàng Hải Yến	YDK.35E	7.72	27	Tốt	800,000	4,000,000
17	1351010127	Nguyễn Thị Hiền	YDK.35C	7.7	27	Tốt	800,000	4,000,000
18	1351010410	Nguyễn Thị Tuyết	YDK.35H	7.7	27	Tốt	800,000	4,000,000
19	1351010012	Trần Hồng Anh	YDK.35E	7.67	27	Tốt	800,000	4,000,000
20	1351010024	Bùi Thị Ngọc Ánh	YDK.35E	7.67	27	Khá	800,000	4,000,000
21	1351010260	Vương Thị Ngân	YDK.35D	7.59	27	Tốt	800,000	4,000,000
22	1351010356	Bùi Thị Thư	YDK.35E	7.59	27	Khá	800,000	4,000,000
23	1351010121	Nguyễn Thị Mỹ Hào	YDK.35G	7.56	27	Khá	800,000	4,000,000
24	1351010344	Hoàng Thị Thảo	YDK.35E	7.56	27	Khá	800,000	4,000,000
25	1351010159	Bùi Phương Huệ	YDK.35A	7.54	27	Xuất sắc	800,000	4,000,000
26	1351010184	Dương Thị Huyền	YDK.35B	7.54	27	Tốt	800,000	4,000,000
27	1351010265	Dương Thị Ngoan	YDK.35D	7.54	27	Tốt	800,000	4,000,000
28	1351010371	Phan Thị Tò	YDK.35F	7.54	27	Khá	800,000	4,000,000
29	1351010196	Hoàng Thị Ngọc Lan	YDK.35D	7.52	27	Khá	800,000	4,000,000
30	1351010259	Nguyễn Thị Thúy Ngân	YDK.35F	7.5	27	Tốt	800,000	4,000,000
31	1351010280	Nguyễn Đức Ninh	YDK.35H	7.48	27	Tốt	800,000	4,000,000
32	1351010018	Trương Hà Anh	YDK.35A	7.46	27	Khá	800,000	4,000,000
33	1351010210	Tổng Khánh Linh	YDK.35D	7.44	27	Khá	800,000	4,000,000
34	1351010225	Nguyễn Thị Lưu Luyện	YDK.35A	7.43	27	Tốt	800,000	4,000,000
35	1351010487	Bùi Thị Ngọc Thảo	YDK.35I	7.43	27	Tốt	800,000	4,000,000
36	1351010352	Lưu Trang Thu	YDK.35G	7.43	27	Khá	800,000	4,000,000
37	1351010078	Phùng Văn Anh Đức	YDK.35G	7.41	27	Xuất sắc	800,000	4,000,000
38	1351010153	Nguyễn Thị Huế	YDK.35F	7.41	27	Khá	800,000	4,000,000
39	1351010362	Nguyễn Thu Thuý	YDK.35D	7.41	27	Khá	800,000	4,000,000
40	1351010209	Trần Thị Linh	YDK.35D	7.39	27	Tốt	800,000	4,000,000
41	1351010312	Hoàng Thị Quỳnh	YDK.35A	7.39	27	Tốt	800,000	4,000,000
42	1351010325	Nguyễn Thị Tàn	YDK.35F	7.39	27	Khá	800,000	4,000,000
43	1351010307	Lê Thị Quyên	YDK.35D	7.35	27	Tốt	800,000	4,000,000

44	1351010389	Vũ Thị Quỳnh	Trang	YDK.35B	7.35	27	Xuất sã	800,000	4,000,000
45	1351010261	Vũ Thị	Ngân	YDK.35D	7.33	27	Khá	800,000	4,000,000
46	1351010016	Nguyễn Nam	Anh	YDK.35D	7.31	27	Khá	800,000	4,000,000
47	1351010291	Đỗ Thị	Phương	YDK.35H	7.31	27	Tốt	800,000	4,000,000


 Nguyễn T. Quỳnh Nhung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT K5
Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Số ĐVHT	Rèn luyện	Mức học bổng	HB 5 tháng
1	1356010005	Trần Thị Dịu	RHM.K5	7.9	25	Tốt	800,000	4,000,000
2	1356010063	Ngô Thị Mai Thương	RHM.K5	7.88	25	Khá	800,000	4,000,000
3	1356010031	Nguyễn Thị Bích Thảo	RHM.K5	7.78	25	Tốt	800,000	4,000,000
4	1356010051	Nguyễn Ngọc Linh	RHM.K5	7.74	25	Tốt	800,000	4,000,000
5	1356010003	Lê Thanh Cúc	RHM.K5	7.54	25	Khá	800,000	4,000,000
6	1356010017	Nguyễn Thanh Huyền	RHM.K5	7.52	25	Khá	800,000	4,000,000
7	1356010057	Trịnh Hồng Ngọc	RHM.K5	7.52	25	Khá	800,000	4,000,000
8	1356010077	Vũ Thị Hiền	RHM.K5TB	7.5	25	Tốt	800,000	4,000,000
9	1356010083	Lê Thị Thanh Hương	RHM.K5TB	7.5	25	Tốt	800,000	4,000,000


Nguyễn T. Dương Nhung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

NGÀNH: Y HỌC DỰ PHÒNG K7

Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Số ĐVHT	Rèn luyện	Mức học bổng	Học bổng 5 tháng
1	1353020031	Phạm Văn Quân	YDP.K7	7.91	23	Tốt	800,000	4,000,000
2	1353020043	Nguyễn Thị Hà Thu	YDP.K7	7.85	23	Khá	800,000	4,000,000
3	1353020048	Nguyễn Thị Tình	YDP.K7	7.54	23	Tốt	800,000	4,000,000
4	1353020030	Biện Mai Phương	YDP.K7	7.41	23	Tốt	800,000	4,000,000


Nguyễn T. Quỳnh Nhung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Toàn trường
Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Số ĐVHT	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng		Ghi chú
1	1251010277	Dương Thị Mai Anh	YDK.34C	8.69	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
2	1251010049	Ngô Thị Hồng Nhung	YDK.34B	8.43	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
3	1251010293	Đặng Thu Hiền	YDK.34C	8.38	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
4	1251010021	Đào Thị Diệu	YDK.34B	8.36	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
5	1251010050	Vũ Thị Khánh Ninh	YDK.34B	8.36	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
6	1251010446	Phạm Kiều Huyền Trang	YDK.34H	8.36	22	Xuất sắc	Giỏi3	4,750,000	950,000	
7	1251010351	Phạm Ngọc Đức	YDK.34A	8.34	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
8	1251010173	Phạm Thị Ngọc	YDK.34E	8.33	18	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
9	1251010439	Lê Thanh Thủy	YDK.34H	8.32	22	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
10	1251010034	Lại Thị Hồng Hạnh	YDK.34B	8.29	14	Xuất sắc	Giỏi3	4,750,000	950,000	
11	1251010490	Nguyễn Trần Thị Quỳnh	YDK.34D	8.29	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
12	1251010501	Trần Thị Thuý	YDK.34D	8.25	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
13	1251010452	Đỗ Thị Tố Uyên	YDK.34H	8.25	22	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
14	1251010395	Nguyễn Thị Hải Yến	YDK.34A	8.25	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
15	1251010299	Lê Thị Huế	YDK.34C	8.22	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
16	1251010323	Nguyễn Thị Oanh	YDK.34C	8.22	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
17	1251010225	Đàm Thị Thu Huyền	YDK.34G	8.2	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
18	1251010443	Lại Thu Trang	YDK.34H	8.18	22	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
19	1251010147	Nguyễn Thị Lan Anh	YDK.34E	8.17	18	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
20	1251010038	Nguyễn Thị Thanh Hoa	YDK.34B	8.11	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
21	1251010056	Đào Thị Thảo	YDK.34B	8.11	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
22	1251010232	Bùi Thị Thuý Linh	YDK.34G	8.05	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
23	1251010031	Phạm Thị Hà	YDK.34B	8.04	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
24	1251010055	Nguyễn Thị Hồng Quỳnh	YDK.34B	8.04	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
25	1251010506	Bùi Thị Trang	YDK.34D	8.04	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
26	1251010350	Đoàn Quang Định	YDK.34A	8.03	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
27	1251010321	Nguyễn Hồng Nhung	YDK.34C	8.03	16	Xuất sắc	Giỏi3	4,750,000	950,000	
28	1251010387	Bùi Thị Thúy	YDK.34A	8.03	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
29	1251010002	Đào Thị Lan Anh	YDK.34B	8	14	Xuất sắc	Giỏi3	4,750,000	950,000	
30	1251010343	Vũ Thị Cúc	YDK.34A	8	16	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
31	1251010043	Nhữ Thị Hương	YDK.34B	8	14	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
32	1251010429	Nguyễn Thị Phương	YDK.34H	8	22	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
33	1251010249	Phan Thị Sinh	YDK.34G	8	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
34	1251010489	Bùi Thị Quỳnh	YDK.34D	8	14	Khá	Khá1	4,250,000	850,000	

35	1251010215	Đoàn Thị Hằng	YDK.34G	7.98	20	Tốt	Khá2	4,000,000	800,000	
36	1251010357	Nguyễn Thị Huyền	YDK.34A	7.97	16	Tốt	Khá2	4,000,000	800,000	
37	1251010327	Vũ Thị Sao	YDK.34C	7.97	16	Tốt	Khá2	4,000,000	800,000	
38	1251010467	Nguyễn Thị Huệ	YDK.34D	7.96	14	Xuất sắc	Khá2	4,000,000	800,000	
39	1256010001	Hoàng Đức Anh	RHM.K4	8.2	10	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
40	1256010037	Vũ Văn Thám	RHM.K4	8.6	10	Khá	Khá1	4,250,000	850,000	
41	1256010042	Vũ Thị Thu	RHM.K4	8.1	10	Khá	Khá1	4,250,000	850,000	
42	1256010033	Nguyễn Thị Hào Như	RHM.K4	7.9	10	Khá	Khá2	4,000,000	800,000	
43	1253020023	Nguyễn Kiều Đông Hoàng	YDP.K6	8.88	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
44	1253020002	Phạm Thị Ngọc Anh	YDP.K6	8.5	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
45	1253020011	Phạm Trí Dũng	YDP.K6	8.48	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
46	1253020048	Dương Thị Thanh Tâm	YDP.K6	8.43	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	
47	1253020005	Phan Quốc Anh	YDP.K6	8.25	20	Tốt	Giỏi3	4,750,000	950,000	chung 1 xuất
48	1253020054	Lê Thị Thu Thủy	YDP.K6	8.25	20	Tốt	Giỏi3			

Hải Phòng, ngày 13 tháng 10 năm 2016

TT	Ngành	Quỹ	Đã cấp	Còn
1	Đa khoa:	177760000	177000000	760000
2	YHDP	20416000	23750000	-3E+06
3	RHM	18656000	17250000	1406000
4	Tổng	216832000	218000000	-1E+06

GVCN

 Lan Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017
CĂN CỨ ĐIỂM TỔNG KẾT KỲ 2 NĂM HỌC 2015 - 2016

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Số ĐVHT	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1151010392	Nguyễn Thị Thu Phương	YDK.33G	8.72	23	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
2	1151010294	Vũ Ngọc Hà	YDK.33I	8.69	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
3	1051010317	Bùi Văn Phúc	YDK.33A	8.67	18	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
4	1151010187	Vũ Thị Dung	YDK.33F	8.63	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
5	1151010401	Nguyễn Thùy Anh Thư	YDK.33G	8.63	23	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
6	1151010253	Hoàng Thị Diễm Hương	YDK.33B	8.58	18	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
7	1151010260	Trần Thị Ly	YDK.33B	8.5	18	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
8	1151010322	Nguyễn Hoàng Thành	YDK.33I	8.5	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
9	1151010122	Phạm Văn Thanh	YDK.33E	8.5	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
10	1151010416	Đặng Thị Hải Yến	YDK.33G	8.48	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
11	1151010373	Đỗ Quang Hiệu	YDK.33G	8.46	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
12	1151010400	Nguyễn Thị Thu	YDK.33G	8.46	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
13	1151010285	Lê Thị Kim Dung	YDK.33I	8.44	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
14	1151010302	Bùi Thị Thu Hồng	YDK.33I	8.44	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
15	1151010399	Phan Phương Thảo	YDK.33G	8.43	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
16	1151010126	Dương Thị Thảo Trinh	YDK.33E	8.43	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
17	1151010252	Bùi Thị Thanh Hương	YDK.33B	8.42	18	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
18	1151010058	Đỗ Giang Thanh	YDK.33A	8.42	18	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
19	1151010354	Vương Toàn Thắng	YDK.33B	8.42	18	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
20	1151010089	Nguyễn Thị Hằng	YDK.33E	8.41	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
21	1151010428	Trần Thị Hoa	YDK.33D	8.41	23	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
22	1151010381	Nguyễn Thị Linh	YDK.33G	8.41	23	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
23	1151010091	Phạm Thị Hằng	YDK.33E	8.39	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
24	1151010234	Nguyễn Thị Tuyết	YDK.33F	8.39	23	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
25	1151010293	Phạm Thị Thu Hà	YDK.33I	8.38	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
26	1151010309	Đỗ Thị Hồng Liên	YDK.33I	8.38	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
27	1151010334	Lê Thị Huyền Trang	YDK.33I	8.38	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
28	1151010220	Nguyễn Thị Thanh	YDK.33F	8.37	23	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
29	1151010031	Lê Quyết Chiến	YDK.33A	8.33	18	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
30	1151010440	Đỗ Thị Ngọc Mai	YDK.33B	8.33	18	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
31	1151010048	Nguyễn Thị Nga	YDK.33A	8.33	18	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
32	1151010272	Nguyễn Thị Như Sao	YDK.33B	8.33	18	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
33	1151010391	Đỗ Thị Phương	YDK.33G	8.31	21	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
34	1151010336	Nguyễn Thị Huyền Trang	YDK.33I	8.31	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
35	1156010040	Hoàng Thị Bông	RHM.K3 -	8.79	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
36	1156010016	Nguyễn Thị Thanh Mai	RHM.K3 -	8.79	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
37	1156010032	Trần Thị Xinh	RHM.K3 -	8.67	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
38	1156010003	Lê Thị Anh	RHM.K3 -	8.56	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
39	1156010030	Vũ Thùy Trang	RHM.K3 -	8.56	24	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
40	1156010046	Nguyễn Thị Thu Hà	RHM.K3 -	8.54	24	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000
41	1153020030	Phạm Thị Ngọc	YDP.K5	8.39	19	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
42	1153020046	Đỗ Thu Thương	YDP.K5	8	19	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000
43	1153020040	Nguyễn Thị Hồng Thảo	YDP.K5	7.97	19	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000
44	1153020041	Trần Thị Thanh Thảo	YDP.K5	7.76	19	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000

Hải Phòng, ngày 21 tháng 10 năm 2016

GVCM

 Bùi Lê Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

KHOI DƯỢC CHÍNH QUI

Học kỳ 1, Năm học 2016-2017

(Căn cứ điểm học kỳ II năm học 2015-2016)

STT	Mã SV	Họ và tên	ĐTBH T/QĐ	Rèn Luyện	Học bổng	Mức tiền/Thán	Tổng	Ghi chú
Dược K1								
1	1254010036	Trần Thị Nhị	8.54	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000	
2	1254010062	Phạm Thu Trang	8.52	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000	
3	1254010048	Nguyễn Thị Thơ	8.44	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000	
4	1254010024	Nguyễn Thị Loan	8.42	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000	
5	1254010020	Đinh Thị Thu Hương	8.38	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000	
Dược K2								
1	1354010022	Nguyễn Thị Nụ	8.91	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000	
2	1354010001	Nguyễn Thị An	8.81	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000	
3	1354010045	Đoàn Phương Thảo	8.75	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000	
Dược K3								
1	1454010069	Trần Thị Huyền Trang	8.13	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000	
2	1454010019	Nguyễn Thị Thu Hà	7.61	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
3	1454010063	Nguyễn Thị Thảo	7.56	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
4	1454010079	Tăng Thị Xuyên	7.31	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
Dược K4								
1	1554010001	NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	3.29	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	4,750,000	
2	1554010046	HOÀNG THỊ THÙY	3.19	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
3	1554010012	NGUYỄN THỊ THU HÀ	3.00	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
4	1554010011	VŨ BÌNH GIANG	2.98	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
5	1554010026	ĐỖ THỊ NAM	2.98	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	

Hải Phòng, ngày 21 tháng 10 năm 2016

GVCN


Bùi Hải Ninh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ 2 Năm học 2015-2016

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Số ĐVHT	Rèn luyện	Mức học bổng	Tổng tiền	Ký nhận	Ghi chú
1	1553320001	NGUYỄN LAN ANH	XNYYH.K7	8.3	15	Tốt	950,000	4,750,000		
2	1553320040	PHẠM THỊ TRINH	XNYYH.K7	7.05	15	Khá	800,000	4,000,000		
3	1553320038	NGUYỄN THỊ THANH TRÁ	XNYYH.K7	6.91	15	Khá	800,000	4,000,000		
4	1453320051	Nguyễn Thị Nhung	KTYH.K6	8.38	32	Khá	850,000	4,250,000		
5	1353300017	Bùi Diệu Linh	KTYH.K6	7.94	32	Khá	800,000	4,000,000		
6	1453320044	Nguyễn Thị Minh	KTYH.K6	7.7	32	Khá	800,000	4,000,000		
7	1453320070	Lương Thu Hải Trang	KTYH.K6	7.42	32	Khá	800,000	4,000,000		
8	1453320033	Lê Thị Huyền	KTYH.K6	7.34	32	Khá	800,000	4,000,000		
9	1353300029	Nguyễn Thị Thủy Phương	KTYH.K5	8.23	13	Tốt	950,000	4,750,000		
10	1353300028	Đinh Thị Phương	KTYH.K5	8.08	13	Khá	850,000	4,250,000		
11	1353300040	Trần Thị Bích Trang	KTYH.K5	8	13	Khá	850,000	4,250,000		
12	1555010027	NGUYỄN THỊ NGÀ	CNDD.K11	7.64	23	Khá	800,000	4,000,000		
13	1555010028	VŨ THỊ THANH NGÀ	CNDD.K11	7.4	23	Khá	800,000	4,000,000		
14	1555010042	VŨ THỊ THỦY	CNDD.K11	7.4	23	Khá	800,000	4,000,000		
15	1555010020	CHU THỊ HUYỀN	CNDD.K11	7.37	23	Khá	800,000	4,000,000		
16	1455010021	Nguyễn Thị Như Hà	CNDD.K10	7.99	34	Tốt	800,000	4,000,000		
17	1455010040	Nguyễn Thị Hương	CNDD.K10	7.9	34	Khá	800,000	4,000,000		
18	1455010104	Nguyễn Thị Xuân	CNDD.K10	7.25	34	Khá	800,000	4,000,000		
19	1355010009	Nguyễn Thị Hằng	CNDD.K9	8.08	24	Khá	850,000	4,250,000		
20	1355010004	Lê Thị Bé	CNDD.K9	8.04	24	Khá	850,000	4,250,000		
21	1355010007	Trần Thị Thu Đông	CNDD.K9	7.96	24	Tốt	800,000	4,000,000		

NGƯỜI LẬP

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH

